Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9606.29.00

Mã HS	9606.29.00
Mô tả hàng hóa	Khuy, khuy dập, khuy bấm và khuy tán bấm, lõi khuy (loại khuy bọc) và các bộ phận khác của các mặt hàng này; khuy chưa hoàn chỉnh (button blank) / - Khuy: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 04:15:01
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/96062900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18889
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18889
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18889
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục C)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	13,6	13,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18151
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18080
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18080
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18080
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18080
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18080
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18080
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E18136
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18136
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18136

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18136
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18136
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18136
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18137
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18137
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18137
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18137
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18137
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18137
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18142
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18099
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F18094
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G18094
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H18094
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I18094
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J18094
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K18094
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18142
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18142
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18142
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18142
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18142
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18142
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18206
VCFTA	2023	2023	2	VC!E18206
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18206

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18206
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18206
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18206
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18180
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18180
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18180
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18180
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18180
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18180
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D18173
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E18173
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F18173
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G18173
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H18173
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I18173
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D18203
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18203
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18203
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18203
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18203
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18203
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D18202
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18202
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18202
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18202
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18202

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18202
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18296
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18296
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18296
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18296
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18296
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18296
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18296
RCEP A	2022	2022	22,5	RCEPT-A!D18167
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E18167
RCEP A	2024	2024	17,5	RCEPT-A!F18167
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G18167
RCEP A	2026	2026	12,5	RCEPT-A!H18167
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I18167
RCEP B	2022	2022	22,5	B!D18167
RCEP B	2023	2023	20	B!E18167
RCEP B	2024	2024	17,5	B!F18167
RCEP B	2025	2025	15	B!G18167
RCEP B	2026	2026	12,5	B!H18167
RCEP B	2027	2027	10	B!I18167
RCEP C	2022	2022	22,5	C!D18165
RCEP C	2023	2023	20	C!E18165
RCEP C	2024	2024	17,5	C!F18165
RCEP C	2025	2025	15	C!G18165
RCEP C	2026	2026	12,5	C!H18165
RCEP C	2027	2027	10	C!I18165

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	22,7	D!D18164
RCEP D	2023	2023	20,5	D!E18164
RCEP D	2024	2024	18,2	D!F18164
RCEP D	2025	2025	15,9	D!G18164
RCEP D	2026	2026	13,6	D!H18164
RCEP D	2027	2027	11,4	D!I18164
RCEP E	2022	2022	22,5	E!D18169
RCEP E	2023	2023	20	E!E18169
RCEP E	2024	2024	17,5	E!F18169
RCEP E	2025	2025	15	E!G18169
RCEP E	2026	2026	12,5	E!H18169
RCEP E	2027	2027	10	E!I18169
RCEP F	2022	2022	22,5	F!D18167
RCEP F	2023	2023	20	F!E18167
RCEP F	2024	2024	17,5	F!F18167
RCEP F	2025	2025	15	F!G18167
RCEP F	2026	2026	12,5	F!H18167
RCEP F	2027	2027	10	F!I18167
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F17031
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G17031
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H17031
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I17031

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9606.29.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9606.29.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18889), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.